TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/10/2019.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Tám

2. Bà Lý Thị Đào

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Tô Văn Đằng - Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa*:** Ông Đoàn Văn Khải– Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2019/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng D (D), sinh năm 1987. Có mặt)
- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Con chung trên 07 tuổi: Cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 14/5/2012 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa Trung, xã Hòa T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 26/8/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Hồng D (D) trình bày: Bà Phạm Hồng D và ông Nguyễn Văn Q kết hôn vào năm 1998 đến năm 2005 đến ngày 22/12/2005 mới đến Ủy ban nhân dân xã Hòa T, huyện Mỹ X đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn bà và ông Q chung sống hạnh phúc được 12 năm đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống từ đó vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc. Khi cuộc sống được khá giả thì ông Q bắt đầu ăn chơi, cờ bạc không chăm lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con. Vì con cái nên bà đã cố hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau. Nhưng đến nay thì ông Q không sữa đổi tính tình nên cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 19/8/1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Gia K, sinh ngày 14/5/2012 hiện nay đang sống với bà D. Nay bà Phạm Hồng D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Bà Phạm Hồng D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Gia Khang, sinh ngày 14/5/2012 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Bà Phạm Hồng D không yêu cầu ông Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q: Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý cho bị đơn, bị đơn gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho tòa án nội dung bị đơn đồng ý ly hôn.

- Tại biên bản lấy lời khai khai 23/9/2019 và tại đơn xin vắng mặt ngày 23/9/2019 con chung trên 07 tuổi cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 14/5/2012 trình bày: Khi cha mẹ cháu không còn sống chung nữa, nguyện vọng của cháu xin được sống với mẹ và cho cháu xin vắng mặt tại các phiên tòa vì cháu bận đi học

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn Q và cháu Nguyễn Gia K đã được cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Văn Q và cháu Nguyễn Gia K có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Q và cháu Nguyễn Gia K.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Hồng D; Về con chung: Giao cho bà Phạm Hồng D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 14/5/2012 (theo nguyện vọng của cháu K); Ông Nguyễn Văn Q được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Hồng D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn, ông Nguyễn Văn Q và cháu Nguyễn Gia K đã được cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Văn Q và cháu Nguyễn Gia K có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Q và cháu Nguyễn Gia K.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của bà Phạm Hồng D và ông Nguyễn Văn Q là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bà Phạm Hồng D và ông Nguyễn Văn Q hôn vào năm 1998 đến ngày 22/12/2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Hồng D và ông Nguyễn Văn Q là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà D vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Q, vì kể từ năm 2016 đến nay bà và ông Q không còn sống chung, không còn quan tâm nhau, bà không còn tình cảm với ông Q, kể từ khi bà gửi đơn yêu cầu ly hôn đến Tòa án, bà và ông Q không còn liên hệ với nhau, giữa bà và ông Q không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn xảy ra vào năm 2016, đã hơn 03 năm nay hai bên vẫn không có thiện chí tìm cách hàn gắn đoàn tụ. Từ đó tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa bà D và ông Q không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Phạm Hồng D, bà Phạm Hồng D được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

[2] Về con chung: Bà Phạm Hồng D và ông Nguyễn Văn Q có 02 người con tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 19/8/1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Gia K, sinh ngày 14/5/2012 hiện nay đang sống với bà. Bà D yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, khi bà D và ông Q không còn chung sống với nhau cháu Nguyễn Gia K vẫn do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo cuộc sống của cháu Nguyễn Gia K. Ngoài ra tại biên bản lấy khai ngày 23/9/2019 cháu Nguyễn Gia K có nguyện vọng sống với mẹ. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình giao cho bà D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Gia K đến tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Văn Q được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Hồng D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Phạm Hồng D trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Hồng D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hồng D (D) được quyền ly hôn với ông Lê Văn Vĩnh.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Hồng D (D) được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 14/5/2012 (theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Gia K) đến tuổi trưởng thành.

3. Ông Nguyễn Văn Q được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Hồng D (D) không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

5. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

6. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Hồng D (D) phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009097 ngày 03/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà D đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục T.H.ADS huyện Mỹ Xuyên;
- Phòng KTNV&THA –TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Tùng